

Dàn ý phân tích Chiều tối chi tiết nhất

I. Mở bài:

Giới thiệu sơ lược về tác giả, nêu cảm nhận chung về tác phẩm

- Hồ Chí Minh là nhà cách mạng vĩ đại đồng thời là nhà thơ lớn của dân tộc. Ngục trung nhật kí (Nhật kí trong tù) là tác phẩm tiêu biểu, được Bác viết trong thời gian bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt tại Quảng Tây (Trung Quốc), từ mùa thu năm 1942 đến mùa thu 1943.

- Mộ (Chiều tối) là bài thơ có giá trị nội dung và nghệ thuật độc đáo: Điều khác lạ là bài thơ được viết trong hoàn cảnh người bị giải đi trên đường, với gông cùm xiềng xích, nhưng không phải là một lời than vãn xót xa. Trái lại, đó là một nét hoan ca về cuộc sống, về con người, biểu hiện tâm hồn hết sức đẹp đẽ, nhân cách lớn lao của Hồ Chí Minh.

II. Thân bài:

* Hai câu đầu:

Quyện điều quy lâm tâm túc thụ
Cô vân mạn mạn độ thiên không

- Hai câu đầu vẽ nên một bức tranh nên thơ, yên bình của cuộc sống, chim bay về rừng tìm chốn trú ngụ, đám mây trôi lững lờ trên bầu trời chiều, chỉ vài nét chấm phá, những bức họa (trong bài thơ có họa) của thơ xưa. Song, phong vị cổ thi ấy do gằn gửi về bút pháp. Còn thực ra, đây vẫn là buổi chiều nay, với cảnh thật và người thật (người tù - nhà thơ) đang tận mắt nhìn ngắm.

Bức tranh phong cảnh kia tuy đẹp và nên thơ nhưng vẫn có nét buồn. Quyện nghĩa là mỏi, chán, mỗi mệt. Tâm là tìm kiếm. Cánh chim sau ngày rong ruổi, trong cái giờ khắc của ngày tàn, mỗi mệt, phải trở về rừng đặng tìm kiếm chỗ trú. Cô là lẻ loi, một mình. Mạn mạn là dài và rộng, không là trên bầu trời dài, rộng mênh mông. Bản thân bầu trời vẫn dài rộng như là triệu năm qua, nhưng đám mây đơn lẻ kia đã khiến nó càng trở nên mênh mang hơn. Hai câu thơ, theo đúng nghĩa đen cũng chỉ ra một cảnh buồn. Với người bình thường, thậm chí đang vui, trước cảnh ấy, lòng hẳn không sao tránh một cảm xúc man mác, băng khuâng. Câu thơ khiến người ta liên tưởng đến một buổi chiều khác, trong thơ cổ:

Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn,
Tiếng ốc xa đưa vắng trống đồn
Gác mái ngư ông về viễn phố
Gõ sừng mục tử lại cô thôn

Ngàn mai gió cuốn chim bay mới
Dặm liễu sương sa khách bước dồn
Kẻ chôn Chương Đài người lữ thứ,
Lấy ai mà kẻ nỗi hàn ôn

(Cảnh chiều hôm - Bà Huyện Thanh Quan)

Buổi chiều xưa không vắng lặng, nhưng lòng người đã tím ngắt nỗi buồn. Còn cảnh ở đây, vốn là đơn chiếc. Cảnh ấy nói hộ lòng người, hẳn đang buồn. Đúng thôi, ngay đến cánh chim kia, khi chiều tắt đã vội trở về. Thế mà, giờ này, người tù mất mồi, chân yếu, lại bị gông cùm, vẫn đang lê bước trên đường dài. Người đó không than vãn, do nhân cách vĩ đại, song ai không cảm được nỗi đau rất thật từ cảnh tình ấy?

* Hai câu cuối

Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng

- Hai câu kết chuyển hướng vận động của hình tượng thơ. Ở trên, cảnh vật mênh mông, vắng lặng, ánh nắng ngày đang dần tắt, nhường chỗ cho bóng đêm ập xuống. Còn ở đây, dù không tả nhưng ai cũng biết, đất trời đã vào đêm, bóng tối len dày muôn nơi. Vậy, điều gì khiến người ta cảm nhận được từng bước đi của thời gian, cảm nhận thấy được ánh sáng và bóng tối? Đó là cánh chim đơn lẻ bay về chôn cũ. Đặc biệt, đó là ánh rực hồng của lò than nơi xóm núi. Đây cũng là lối chấm phá, lấy ánh sáng tả bóng tối.

- Nhưng sự chuyển hướng đích thực của hình tượng thơ không chỉ có vậy. Nếu cảnh ở trên mang nét buồn của sự lẻ loi, hoang vắng, thì cảnh ở đây, dù là đêm tối nhưng ấm áp, giàu sức sống. Đôi mắt của người nghệ sĩ ở cảnh trước khi phóng nhìn ra xa và lên cao, càng nhìn càng mắt hút và trống trải. Khi đôi mắt ấy nhìn gần, đã bắt gặp hình ảnh không ngờ:

Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc

- Vóc dáng người thôn nữ cùng với công việc lao động dường như là thường ngày ấy đã xua đi sự cô quạnh giữa miền sơn cước. Và, đến lúc công việc đã xong, thì ánh sáng tràn ngập.

Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.

Trong bóng đêm, ánh sáng ấy càng có sức lan tỏa. Lòng người từng man mác buồn đã ấm lại cùng với ánh lửa kia. Đến đây thì sự vận động của hình tượng thơ được trọn vẹn.

III. Kết bài:

"Mộ" là bài thơ rất tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật thơ Hồ Chí Minh Khi sử dụng thể thơ luật Đường, tác giả đã vận dụng khá nhuần nhuyễn bút pháp chấm phá để tả cảnh, lấy động tả tĩnh, đặc biệt là lấy cảnh tả tình. Trong bài thơ, không có từ hay chi tiết nói về chủ thể trữ tình, nhưng người đọc vẫn nhận ra đôi mắt, tấm lòng của con người ấy. Tuy nhiên, dù mang phong vị cổ điển, đây vẫn là bài thơ hiện đại. Chất hiện đại bộc lộ ở sự vận động hình tượng thơ, nhất là ở tâm lòng và tư tưởng của thi nhân. Dù bị gông cùm, xiềng xích, con người đó vẫn hết sức ung dung tự tại, luôn quên mình để nhìn ngắm cuộc sống và rung động với từng biểu hiện, dù chỉ nhỏ nhoi, tinh tế.

Bài văn mẫu 1: Phân tích tác phẩm Chiều tối

"Chiều tối" là bài thơ ra đời trong khoảng thời gian đầu khi bác ở trong tù. Cũng trong thời gian đầu ấy, đã có nhiều bài thơ Bác ghi lại ảnh "trên đường" chuyển lao ("Năm mươi ba cây số một ngày/Áo mũ dầm mưa rách hết ngày"). Mới đến nhà lao Thiên Bảo) và bài này cũng nằm trong mạch các bài thơ "Đi đường" ấy. Bài thơ thể hiện một phong cách nghệ thuật nhất quán là sự thống nhất trong đa dạng của tập "Nhật kí trong tù". Đó chính là sự vận động của hình tượng thơ, trong thơ Bác bao giờ cũng từ bóng tối hướng ra ánh sáng, từ lạnh lẽo đến ấm áp, từ nỗi buồn đến niềm vui. Điều này cũng được thể hiện rõ trong bài thơ "Chiều tối".

Trong bức tranh thiên nhiên nơi núi rừng xa lạ có gì như thoáng buồn ẩn chứa những liên tưởng mơ hồ:

Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ

Cô vân mạn mạn độ thiên không

(Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ

Chòm mây lơ lửng giữa tầng không)

Câu thơ mang màu sắc của cổ thi bởi bút pháp miêu tả chấm phá và những thi liệu quen thuộc của thơ cổ xưa. Không nói đến thời gian chính xác nhưng hình ảnh "cánh chim" đủ sức diễn tả không gian còn mang ý nghĩa thời gian. Hai câu đầu diễn tả cảnh vật trong một buổi chiều tối. Hình ảnh cánh chim và đám mây vừa giàu chất minh họa vừa nhớ đến tứ thơ quen thuộc của thi ca cổ điển. Sự mệt mỏi của cánh chim sự cô đơn của đám mây chiều là cảnh vật được nhìn qua tâm trạng của người tù tha phương. Trong lúc mệt mỏi ấy người tù vẫn dành cho thiên nhiên một tình yêu lớn, người đã vẽ lên bức tranh đẹp và đậm chất cổ điển. Đó là biểu tượng của một buổi chiều tà, một chiều thu êm ả nhưng cảnh vật thoáng vẻ buồn, mệt mỏi và đơn chiếc.

Cảnh ấy có sự hài hoà với lòng người. Rõ ràng đó chính là sự đồng điệu giữa thiên nhiên và tâm trạng con người được thể hiện khá đậm nét. Song hình tượng thơ không dừng lại ở đó mà có sự vận động rất độc đáo. Từ một bức tranh thiên nhiên, lời thơ đã chuyển sang một bức tranh sinh hoạt bình dị.

Thời gian từ chiều muộn đã chuyển sang chiều tối. Cảm xúc của con người không còn thoáng buồn nữa mà đã thấy vui. Không gian cũng bừng sáng lên màu đỏ "rực hồng" của lò than:

Cô em xóm núi xay ngô tối

Xay hết lò than đã rực hồng.

Hình ảnh cô gái xay ngô tối trở thành hình ảnh trung tâm của bài thơ, toát lên vẻ trẻ trung, khỏe mạnh sống động. Vẻ đẹp của bức tranh thể hiện ở hình ảnh người lao động. Tâm hồn Hồ Chí Minh luôn hướng về tương lai, về nơi có ánh sáng ấm áp của sự sống. Câu thơ mang đậm sắc thái hiện đại. Tác giả sử dụng thành công cấu trúc lặp liên hoàn: "Ma bao túc", "bao túc ma" hành động xay ngô lặp đi lặp lại diễn tả vòng tuần hoàn của cối xay ngô. Ở đó người ta nhận ra nhịp điệu trôi chảy của thời gian nhưng kì diệu chính là ở chỗ nhịp điệu của thời gian hoà vào nhịp điệu trong cuộc sống. Buổi chiều êm ả đã kết thúc để bước vào đêm tối, song đêm tối không lẽo âm u mà bừng sáng bằng ngọn lửa hồng.

Từ hai câu đầu đến hai câu cuối của bài thơ "Chiều tối" là sự vận động của tứ thơ từ nỗi buồn sang niềm lạc quan, từ bóng tối ra ánh sáng. Hai câu trên cảnh buồn và lòng cũng không vui. Cảnh ấy, tình ấy thể hiện ở hình ảnh cánh chim mỏi mệt về rừng và chòm mây cô đơn chậm chậm trôi qua lưng trời. Hai câu thơ lại là một niềm vui thể hiện ở hình ảnh ánh lửa hồng bỗng rực sáng lên. Ánh lửa hồng là niềm vui của con người làm tan đi cái cô đơn, mệt mỏi tàn lụi của buổi chiều nơi núi rừng hiu quạnh. Đó cũng chính là nét cổ điển nhưng vẫn khá hiện đại của bài thơ.

Sự vận động của hình tượng thơ từ thiên nhiên quạnh vắng đến con người lao động, đến sự sống đến ánh sáng và tương lai được thể hiện hết sức tự nhiên, giàu cảm xúc. Sự vận động này trong tư tưởng Hồ Chí Minh nằm xuyên suốt trong các bài thơ của tập "Nhật kí trong tù".

Bài thơ kết lại bằng chữ "hồng" chính là nhãn tự của bài thơ thu được cả linh hồn sức sống của toàn bài. Cả bức tranh bừng sáng bởi chữ "hồng" đó. Nó thể hiện niềm tin tưởng ý chí, nghị lực kiên cường của người tù cộng sản Hồ Chí Minh. Bài thơ kết thúc bằng hình ảnh của ngọn lửa hồng mang lại cho người đọc cảm giác ấm áp và niềm vui. Ngọn lửa của sự sống vẫn còn lung linh tươi sáng và sưởi ấm mãi muôn đời.

Bài thơ vừa mang phong vị cổ điển vừa có phẩm chất hiện đại, dào dạt cảm xúc của thi nhân trước thiên nhiên và những con người lao động bình dị mà cao đẹp. Cảnh chiều tà vùng sơn cước trong cái nhìn của người tù trên đường lưu đày sự chuyển đổi của thời

gian, cảnh vật... đã làm cho bức tranh "chiều tối" không kết thúc với bóng đêm u tối, với cái buốt lạnh của núi rừng mà âm sáng bởi ngọn lửa hồng - ngọn lửa của một trái tim, một tấm lòng yêu sự sống, yêu đời, yêu đất nước và lòng thương người vô hạn.

Bài văn mẫu 2: Phân tích Chiều tối Hồ Chí Minh

“Nhật kí trong tù” của Hồ Chí Minh là tập thơ ghi lại cảm xúc trong chuỗi ngày bị giam hãm ở nhà lao Trung Quốc. Đọc thơ của Hồ Chí Minh, người đọc nhận ra những dòng cảm xúc rất bình dị, đời thường. “Mộ” là một bài thơ như vậy, tái diễn lại một khoảnh khắc khi sắp kết thúc một ngày, là chiều tối.

Bài thơ “Mộ” ghi lại khoảnh khắc mà Hồ Chí Minh đi từ nhà lao Thiên Bảo đến Long Tuyền vào năm 1942. Cảm hứng chủ đạo chính là bức tranh và phong nền của thiên nhiên lúc về chiều, khi hoàng hôn sắp buông xuống. Phải thật tinh tế, sâu sắc, Hồ Chí Minh mới có thể diễn tả một cách đặc hiệu nhịp sống nhẹ nhàng nơi núi rừng như vậy.

Nguyên tác của bài thơ như sau:

Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ

Cô vân mạn mạn độ thiên không

Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc

Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng.

Hai câu thơ đầu như một nét vẽ chấm phá tạo khiến cho cảnh bầu trời về chiều hiện lên rõ nét và mang một nỗi buồn man mác:

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ

Tầng mây trôi nhẹ giữa tầng không

Nỗi buồn như loang nhẹ, lan ra cả hai câu thơ khiến cho giọng thơ trở nên chùng xuống và tâm sự của tác giả dường như đẩy lên cao. Cánh chim khi chiều tà cũng trở nên “mỏi” đi tìm chốn ngủ. Một cánh chim đơn lẻ, đi lạc giữa rộng dài của bầu trời khiến người đọc có cảm giác như Hồ Chí Minh đang liên tưởng đến cuộc sống của người hiện tại. Cảnh tù đầy bí bách, kìm hãm khiến Hồ Chí Minh khát khao có được một nơi chốn bình yên và ấm áp nhất để tìm về.

Hình ảnh “tầng mây trôi nhẹ” diễn tả sự vận động nhẹ nhàng, tinh tế của thiên nhiên đất trời. Nhịp thơ trở nên chậm, rất chậm và có lẽ lòng người cũng đang chậm.

Chỉ với hai câu thơ cũng đủ để cho người đọc nhận ra được khát khao muốn được như tầng mây đó, cứ trôi đi, không phụ thuộc, không phải chịu cảnh gông tù.

Thiên nhiên trong thơ Hồ Chí Minh luôn hiện lên nhẹ nhàng nhưng chất chứa nỗi niềm như vậy.

Đến hai câu thơ sau dường như bùng lên một tia sáng và thấy thấp thoáng bóng dáng con người:

Cô em xóm núi xây ngôi tối

Xay hết lò than đã rực hồng

Mặc dù phần dịch thơ không thực sự bám sát và lột tả hết được tâm trạng cũng như con người trong bức tranh mang màu sắc vừa cổ điển vừa hiện đại này.

Chỉ bằng một nét vẽ tinh tế tác giả đã vẽ lên bức tranh bình dị của cuộc sống người dân nơi chân núi. Hành động “xây ngôi” dường như là việc làm thường ngày của con người ở đây. Tuy bình dị nhưng ấm áp và tràn đầy tin yêu. Có thể nói trong cảnh gông cùm như thế này, Hồ Chí Minh rất khao khát có được một nơi để trở về bình dị như thế này.

Đến câu thơ cuối, người đọc nhận ra một sự chuyển động rất nhẹ và một nét sáng bùng lên cả bài thơ. Khi cô gái vùng sơn cước xây hết ngôi thì lò than đã rực hồng. Một sự chuyển tiếp nhẹ nhàng, đều đặn hằng ngày. Giữa vùng núi hoang lạnh, khi mặt trời tắt, hoàng hôn loang xuống hình ảnh “lò than” hiện lên dường như làm sáng cả không gian và ấm áp trái tim Người. Có thể nói việc xây dựng hình ảnh cô em xóm núi và lò than dường như là một nỗi niềm thầm kín của tác giả. Đó là hiện thân của một mái ấm gia đình hạnh phúc, chứa chan yêu thương, và đó cũng chính là lòng mong mỏi của Hồ Chí Minh.

Bài thơ “Mộ” của Hồ Chí Minh là bài thơ vừa mang màu sắc cổ điển vừa mang màu sắc hiện đại đã mang đến dấu ấn riêng, đặc trưng. Bài thơ chính là tâm sự, là ước muốn nhỏ nhoi có thể thoát khỏi chốn gông cùm, mang lại cuộc sống bình yên cho nhân dân.

Bài văn mẫu số 3: Phân tích bài thơ Chiều tối của Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh là một cái tên mà tất cả con dân Việt Nam đều ghi tạc trong tim với một lòng yêu quý, kính trọng vô bờ bến. Trong quá trình tìm lại tự do cho dân tộc, Bác đã phải chịu rất nhiều khổ cực, gian khó, đã rất nhiều lần bị bắt giam, chuyển từ nhà tù này sang nhà tù khác, bị đánh đập, tra tấn dã man. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh khó khăn ấy, ở Người vẫn ánh lên một tinh thần lạc quan, một niềm tin vào một ngày mai tươi sáng. Bài thơ "Chiều tối" nằm trong tập thơ "Nhật kí trong tù" đã thể hiện được phần nào tinh thần ấy của Người. Bài thơ chỉ đơn giản là tả lại cảnh nơi thôn dã vào một buổi chiều tối, thế nhưng ẩn chứa trong đó là một ước mơ tự do cho bản thân, ước mơ được quay trở lại quê hương để tiếp tục sứ mệnh của mình.

Bài thơ được sáng tác khi Bác bị giải từ nhà lao Tĩnh Tây đến nhà lao Thiên Bảo. Bức tranh chiều tối được nhìn qua cặp mắt của người tù tay đeo gông chân vướng xiềng:

"Quyện điều quy lâm tâm túc thụ

Cô vân mạn mạn độ thiên không."

Dịch thơ:

"Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,

Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không."

Buổi chiều thường là lúc đoàn tụ, nhưng cũng là khi con người ta thấy vô cùng cô đơn nếu không có một chốn để về. Cánh chim mỏi sau một ngày kiếm ăn cũng đã bay về tổ của mình. Trên không trung chỉ còn lững lờ một chòm mây. Giữa thiên nhiên bao la hùng vĩ, con người và cảnh vật đều như dừng lại, chỉ có chòm mây ấy vẫn nhẹ nhàng trôi, càng làm nổi bật lên sự yên ắng, êm ả của buổi chiều tối nơi rừng núi. Chòm mây ấy cũng giống như Bác, đang trong tình cảnh tù tội, vẫn phải cô độc bước đi. Chòm mây cô đơn, lặng lẽ, Bác cũng lặng lẽ, cô đơn. Tuy thế, phải là một người có lòng yêu thiên nhiên, phải có một tâm thái ung dung, bình tĩnh, lạc quan, vượt lên mọi gông cùm về thể xác để ngắm thiên nhiên, hòa mình với thiên nhiên như thế. Thân xác mỏi rã rời vì phải đi cả ngày đường vất vả, nhưng Bác vẫn dõi mắt theo cánh chim về tổ, tầng mây lững lờ trôi lúc chiều về.

Tuy chỉ hai câu thơ bảy chữ, nhưng cũng đã khiến cho người đọc tưởng tượng ra được cảnh chiều muộn nơi rừng núi thật mênh mông, âm u, vắng vẻ, quạnh quẽ. Đồng thời, cũng nói lên niềm mong ước quay trở về với quê hương, ước mong được tự do như đám mây kia.

Trong khung cảnh thiên nhiên mênh mông, đượm nét buồn lúc chiều muộn nơi rừng núi, bỗng xuất hiện con người:

"Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,

Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng."

Dịch thơ:

"Cô em xóm núi xay ngô tối,

Xay hết, lò than đã rực hồng."

Giữa cảnh buồn của thiên nhiên như trong thơ cổ, cô sơn nữ hiện lên như một điểm sáng, làm cho cả bức tranh trở nên sinh động, vui tươi hơn. Đó chính là nét cổ điển mà hiện đại

trong thơ của Hồ Chí Minh. Bức tranh vừa có người, vừa có hoạt động khỏe khoắn của con người trong đó. Đó chính là nét đẹp, nét đáng quý của người dân lao động. Cô gái đang miệt mài xay ngô bên lò than rực hồng để chuẩn bị bữa tối. Ở đây, bản dịch thơ không đảm bảo được nghệ thuật của bản chữ Hán. Bác đã lặp lại hai chữ "bao túc" ở cuối câu thứ ba và đầu câu thứ tư, như những vòng xay nối tiếp nhau của cô gái, như sự tuần hoàn của thời gian, trời đã tối, tối dần. Bức tranh vừa ám áp bởi cảnh tượng lao động khỏe khoắn của người thôn nữ lao động, vừa bởi cái ánh hồng của bếp lò. Đó chỉ là một thứ hạnh phúc bình dị, vậy mà Bác vẫn gạt bỏ hết những đau đớn, mệt mỏi về thân xác để cảm nhận được.

Nhà văn Nam Cao đã viết: "Khi người ta đau chân, người ta không còn tâm trí đâu để nghĩ đến người khác được.", để nói rằng, con người ta thường có xu hướng lo cho những đau khổ của bản thân. Thế nhưng, ở Bác Hồ – một người lúc nào cũng lo nỗi lo của dân tộc, của đất nước – vậy mà cũng vẫn luôn quan tâm đến những thứ nhỏ nhặt nhất, bình dị nhất. Đó chính là nhân cách cao đẹp của vị lãnh tụ vĩ đại của chúng ta.

Bài thơ "Chiều tối" là một bài thơ tiêu biểu cho nét đẹp cổ điển và hiện đại trong thơ Hồ Chí Minh. Bài thơ chỉ đơn giản là tả về phong cảnh thiên nhiên và con người nơi xóm núi khi chiều muộn, đồng thời, cũng ẩn chứa trong đó nỗi niềm ước mong được tự do, được sum họp của Người. Đồng thời, ở Bác, chúng ta vẫn luôn thấy ánh lên một vẻ đẹp của tinh thần quên mình, của một trái tim giàu lòng yêu thương luôn biết quan tâm đến những điều bình dị nhất.

Bài văn mẫu số 4: Phân tích bài thơ Chiều tối của Hồ Chí Minh lớp 11

"Nhật ký trong tù" của Hồ Chí Minh được viết từ 2/8/1942 đến 10/9/1943 khi Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam một cách vô cớ, đầy đọa khắp các nhà lao tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Trong số 133 bài thơ "Nhật ký trong tù" có một số bài ghi lại những thời khắc đáng nhớ trong ngày: Buổi sớm, Buổi trưa, Quá trưa, Chiều hôm, Chiều tối, Hoàng hôn, Nửa đêm... Mỗi bài là một nỗi niềm trong những tháng ngày "ác mộng".

"Chiều tối" (Mộ) là bài thất ngôn tứ tuyệt số 31 trong "Nhật ký trong tù". Bài thơ số 32 là bài "Đêm ngủ ở Long Tuyền". Vậy, bài "Chiều tối" ghi lại cảnh xóm núi lúc ngày tàn trên con đường từ Thiên Bảo đến Long Tuyền vào tháng 10/1942.

Đây là nguyên tác bài thơ:

"Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ,

Cô vân mạn mạn độ thiên không,

Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,

Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng".

Một cái nhìn man mác, một thoáng ước mơ thầm kín về một mái ấm, một chỗ dừng chân...của nhà thơ trên con đường lưu đày khổ ải muôn dặm, được hé lộ qua bài thơ, đọc qua tưởng như chỉ tả cảnh chiều tối nơi xóm núi xa lạ.

Hai câu đầu tả bầu trời lúc ngày tàn. Hai nét vẽ "động" cánh chim mỏi mệt (quyện điệu) bay về rừng xa, tìm cây trú ẩn, một áng mây cô đơn, lẻ loi (cô vân) đang lửng lơ trôi (mạn mạn). Câu trúc hai câu thơ đối xứng, âm điệu thơ nhẹ, thoáng buồn. Người chiến sĩ bị lưu đày ngược mắt nhìn bầu trời, dõi theo cánh chim bay và áng mây trôi nhẹ mà lòng man mác. Rất tinh tế, nét vẽ ngoại cảnh đã thoáng hiện tâm cảnh. Câu thơ dịch của Nam Trân tuy chưa thể hiện được chữ "cô" trong "cô vân" nhưng khá hay:

"Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ

Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không".

Hai câu thơ 1, 2 mang vẻ đẹp cổ điển: tả ít mà gợi nhiều chỉ 2 nét phác họa (chim bay, mây trôi) mà gợi lên cái hồn cảnh vật, ngày tàn, màn đêm buông xuống dần, tạo vật như đang chuyển sang trạng thái nghỉ ngơi, mệt mỏi. Nghệ thuật lấy điểm vẽ diện, lấy động tả tĩnh được vận dụng sáng tạo. Nhìn chim bay, mây trôi mà cảm thấy bầu trời bao la hơn, cảnh chiều tối êm ả, tĩnh lặng hơn. Cảnh chiều tối ở xóm núi này còn mang tính ước lệ, nó mở rộng liên tưởng và cảm xúc thẩm mỹ trong tâm hồn mỗi chúng ta,...nhớ về một cánh chim bay trong "Truyện Kiều": "Chim hôm thoi thót về rừng"; nhớ đến một cánh chim bay mỏi và hình ảnh người lữ thứ trong chiều sương lạnh nhớ nhà:

"Ngàn mai gió cuốn, chim bay mỏi

Dặm liễu sương sa, khách bước dồn

(Chiều hôm nhớ nhà)

Trở lại bài "Chiều tối", áng mây cô đơn lẻ loi đang lơ lửng, trôi nhẹ trên bầu trời là hình ảnh ẩn dụ về người lưu đày trên con đường khổ ải xa lắc! Ngôn ngữ thơ hàm súc, biểu cảm, vừa tả cảnh vừa tả tình, thoáng nhẹ mà đầy ẩn tượng, dư ba.

Tiếp theo câu cuối 3 - 4 từ cảnh bầu trời tác giả nói về cuộc sống con người nơi núi. Thiếu nữ và lò than hồng là trung tâm của bức tranh này:

"Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc

Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng".

Một nét vẽ trẻ trung, bình dị, đáng yêu: Thiếu nữ xóm núi đang xay ngô. Ba chữ "ma bao túc" ở cuối câu ba được lấy lại "bao túc ma hoàn..." ở đầu câu 4, động tác nhịp nhàng xay ngô, vừa diễn tả sự chuyển động vòng tròn của cái cối đá xay ngô thủ công. Đức tính cần mẫn của thiếu nữ xóm núi được cảm nhận và trân trọng. Nghệ thuật điệp ngữ liên hoàn

đã làm cho thơ liền mạch và có vẻ nhạc điệu. Câu thơ dịch: "Cô em xóm núi xay ngô tối", với 2 chữ cô em đã làm lạc phong cách thơ Hồ Chí Minh; chữ "tối" thêm vào đã làm cho ý thơ lộ, còn đâu nữa ý tại ngôn ngoại trong bài thơ chữ Hán này?.

Sự vật như nổi liếp theo dòng chảy thời gian mà xuất hiện: Khi ngô xay xong than đã rực hồng, sáng bừng lên, vô cùng ấm áp. Khi màn đêm đã bao mịt mù, lò than đỏ rực lên, cảnh vật ấy thu hút tâm trí người tù đang bị giải đi. Buồn biết bao cảnh bếp lạnh tro tàn! ấm áp biết bao một ngọn đèn, một bếp hồng trong đêm lạnh. Hình ảnh thiếu nữ xóm núi xay ngô và lò than rực hồng tượng trưng cho một mái ấm đoàn tụ gia đình, nó đã làm vơi đi bao nỗi cô đơn tĩnh mịch. Hướng về một cảnh sinh hoạt dân dã bình dị: thiếu nữ xay ngô, dõi nhìn bếp lửa, lò than rực hồng, khi chân tay mang nặng xiềng xích, bị giải đi trong chiều tối, Bác đã tìm thấy nơi nương tựa tâm hồn mình. Hình như nỗi cô đơn, lẻ loi, lạnh lẽo bị xua tan. Một thoáng ước mơ thầm kín về một mái ấm gia đình đã đến với nhà thơ trên con đường đi đày xa xứ trong màn đêm buông xuống. Cảm hứng thơ dào dạt chất nhân bản. Cái bình dị mà đầy chất thơ. Chất thơ ấy là hồn người và tình người. Hai nét vẽ về thiếu nữ xay ngô và lò than rực hồng là hai nét vẽ bình dị, ấm áp, khoẻ và trẻ trung, làm thơ Bác có sự hoà hợp giữa màu sắc cổ điển và chất hiện đại về trung bình dị.

Nhiều bài thơ khác cho thấy trên con đường khổ ải, lưu đày người chiến sĩ cách mạng trong "Nhật ký trong tù" hầu như ít cảm thấy cô đơn, tâm hồn luôn luôn gắn bó với nhịp sống, làm chủ hoàn cảnh và lạc quan yêu đời. Trong cảnh hoang hôn gió rét căm, vượt lên gian khổ. Người xúc động hướng tới một tiếng chuông chùa, một tiếng sáo mục đồng mà mạnh bước:

"Gió sắc tựa guom mài đá núi,

Rét như dùi nhọn chích cành cây

Chùa xa chuông giục người nhanh bước,

Trẻ dẫn trâu về tiếng sáo bay".

Nam Trân dịch

Có lúc trong cảnh bị cùm trói "Thừa cơ rét rệp xông vào đánh" mà Người vẫn "thoát ngục" tìm được một chút niềm vui nâng đỡ tâm hồn mình: "Oanh sớm, mừng nghe hót xóm gần" (Đêm ngủ ở Long Xuyên). Điều đó cho thấy, sự sống và tự do là khát vọng của Người. Thiên nhiên và con người hiện diện trong thơ Bác bằng những nét vẽ đẹp, bình dị, đáng yêu, đó là sự sống mà Bác gắn bó, mến yêu suốt đời.

"Chiều tối" - một bài thơ đáng yêu: màu sắc cổ điển hàm súc kết hợp với tính chất trẻ trung, hiện đại, bình dị. Tứ thơ vận động từ cảnh đến tình, từ trong bóng tối đến sự sống, đến ánh sáng và tương lai. Nét vẽ linh tế, thể hiện một hồn thơ "bát ngát tình". Bài thơ thấm đượm một tình yêu mệnh mông đối với tạo vật và con người. Trong đoạ đầy gian khổ, tâm hồn Bác vẫn dào dạt sự sống.

Bài văn mẫu 5: Phân tích bài Chiều tối lớp 11

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà cách mạng, một người chiến sĩ quốc tế luôn mang trong mình tình yêu quê hương đất nước và khát khao giải phóng dân tộc. Cả cuộc đời Bác dành cho sự nghiệp cách mạng không chỉ vậy Bác còn là một nhà văn hóa lớn có nhiều đóng góp trong lĩnh vực văn chương. Cảm hứng thi sĩ đến bất cứ lúc nào với người chiến sĩ cộng sản dù cho khi bị giam bắt, tù đầy nhưng không thể giam cầm được tâm hồn của Người. Bài thơ “Chiều tối” là tác phẩm được sáng tác khi Bác bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam vô cớ nhưng vẫn thể hiện tình yêu thiên nhiên, con người và tinh thần lạc quan, có niềm tin vào tương lai tươi sáng của Hồ Chí Minh.

Vào tháng 8 năm 1942 Bác sang Trung Quốc để tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, sau nửa tháng đi bộ đến Túc Vinh tỉnh Quảng Tây và bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam trong suốt mười ba tháng, những tháng ngày bị tù đầy ấy Bác đã sáng tác tập thơ “Nhật kí trong tù” bằng chữ Hán với số lượng 134 bài. Trong đó bài thơ “Chiều tối” là bài số 31 khi Người bị thiên chuyển từ nhà lao Tĩnh Tây sang nhà lao Thiên Bảo năm 1942. Trong khoảnh khắc chiều tà mệnh mông cùng với tâm hồn thi nhân đã tạo cảm hứng để người tù sáng tác gửi gắm vào thơ ca tâm trạng, tình cảm của mình. Nổi lên trong bài thơ là hình ảnh thiên nhiên và con người lao động nơi đất khách quê người.

“Chiều tối” được viết bằng chữ Hán theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Hai câu thơ đầu Bác đặc tả cảnh thiên nhiên núi rừng với hai hình ảnh tiêu biểu cánh chim mỏi mệt và đám mây cô đơn:

“Quyện điều quy lâm tâm túc thụ

Cô vân mạn mạn độ thiên không”

Dịch:

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ

Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không

Với bút pháp chấm phá điểm nhãn, ước lệ tượng trưng mang đậm chất cổ điển của thi pháp phương Đông Bác đã khắc họa hình ảnh cánh chim mỏi mệt đang bay tìm chốn ngủ. Đó là chi tiết gợi không gian mệnh mông, gợi ý niệm thời gian buổi chiều đã về. Trong thơ ca không ít lần ta có bắt gặp hình ảnh cánh chim ấy là “Truyện Kiều” của Nguyễn Du có viết: “Chim hôm thoi thót về rừng” hay của bà Huyện Thanh Quan: “Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi” rồi trong “Tràng Giang” của Huy Cận là hình ảnh “Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều xa”. Từ “quyện” trong câu thơ mang nghĩa mỏi mệt chỉ tâm thể tồn tại của con người, là định ngữ cho danh từ “điều”, được dùng để đặc tả cho hình ảnh cánh chim. Cánh chim ở đây không chỉ được Bác quan sát trong sự vận động mà còn được cảm nhận từ bên trong là “Chim mỏi”. Nhà thơ đã dùng cái hữu hạn của cánh chim để nói

cái vô hạn của bầu trời. Trong khoảng trời mênh mông ấy chỉ có cánh chim nhỏ nhoi bay với đôi cánh mệt mỏi. Bác đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình, tả hoạt động của tự nhiên để gợi thân phận, tâm trạng của mình. Ở đây vừa có sự đối lập vừa có nét tương đồng. Đối lập là nếu con chim bị lạc đàn, bay mỏi sau một ngày kiếm ăn vất vả nhưng vẫn thoả mái tự do vào rừng tìm chốn ngủ còn nhà thơ vẫn bị kim kẹp, giam cầm. Tương đồng tâm trạng giữa người tù và cánh chim chiều. Phải chăng sau một ngày đi đường dài cổ đeo gông chân vướng xiềng Bác đã thấm mệt nên nhìn cánh chim bay Bác cũng cảm nhận được điều ấy, Bác cũng muốn được nghỉ ngơi sau ngày tù dài lê bước “Năm mươi ba cây số một ngày/Áo mũ dầm mưa rách hết giày”. Cội nguồn của sự đồng điệu ấy là tình yêu vô bờ mà Bác dành cho sự sống của vạn vật.

Không chỉ vậy Người còn quan sát thấy hình ảnh đám mây trôi chậm chậm trên nền trời mênh mông, bao la gợi ý niệm lữ thứ, cô đơn. Đây cũng là một thi liệu rất quen thuộc trong thơ xưa. Thôi Hiệu đã từng viết: “Bách vân thiên tải không du du” (Ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay) hay đó là đám mây xanh ngắt trong thơ Nguyễn Khuyến với câu “Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt”. Tuy nhiên mây trong thơ Bác không gợi sự vĩnh viễn mà mang tâm trạng cô đơn, lẻ loi của người khách bần khổ không biết tương lai sẽ đi đâu về đâu nhưng trong bản dịch chưa thực sự lột tả được ý nghĩa của từ “cô”. Chỉ với vài nét đặc tả, chấm phá lấy linh hồn của thiên nhiên mà vẽ nên một bức tranh buổi chiều tối âm đạm, yên ả. Cánh chim và đám mây đã từng xuất hiện trong thơ Lý Bạch: “Chúng điểu cao phi tận/ Cô vân độc khứ nhàn”. Đó là nét cổ điển mà Hồ Chí Minh kế thừa tinh hoa văn hóa nhân loại thể hiện ước muốn được tự do, được nghỉ ngơi như cánh chim, như đám mây trên trời cao.

Trong hai câu thơ đầu chỉ đặc tả cảnh thiên nhiên nhưng ẩn đằng sau lớp ngôn từ đó là tư thế và tâm hồn của thi nhân. Ta không thấy có chân dung của người tù khổ ải mà chỉ thấy phong thái ung dung, tao nhã của thi nhân mặc khách dù chân vướng xiềng lê từng bước trên đường đi, cảnh chiều mênh mông rợn ngợp nhưng tâm hồn Bác vẫn hướng về thiên nhiên, quát sát từng chi tiết vận động của cảnh vật. Nếu không phải là một người yêu thiên nhiên tha thiết, một con người có nghị lực phi thường, bản lĩnh kiên cường vượt lên trên hoàn cảnh làm sao có được sự tự do về tinh thần. Nhà lao, xiềng xích có thể giam cầm thân thể Bác chứ không thể trói buộc được tâm hồn thi nhân.

Trên nền cảnh của thiên nhiên hình ảnh con người bỗng hiện lên trong thơ Bác. Con người ở đây là thiếu nữ đang lao động giữa chôn núi rừng mênh mông như một điểm sáng làm cho bức tranh đời sống trở nên có hồn có thần sắc vui tươi hơn:

“Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc

Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng”

(Cô em xóm núi xay ngô tối

Xay hết lò than đã rực hồng)

Hình ảnh con người và cuộc sống được nối tiếp hiện lên qua hai câu thơ. Thiếu nữ ở đây là người con gái (bé gái) trong lứa tuổi dưới thanh nữ chứ không phải như bao bài phân tích khác là cô gái. Hình ảnh bé gái đang xay ngô trong đêm tối là để hô ứng với cánh chim cô đơn, lẻ loi bên trên cô độc đối diện với cối xay. Ngòi bút của Bác hướng đến sự vận động của con người. Đây là một nét hiện đại, mới mẻ trong thơ Hồ Chí Minh. Thiếu nữ miền sơn cước toát giữa núi rừng mênh mông không những không bị hòa tan với thiên nhiên mà nổi bật chói lòa trong không gian ấy. Không giống như những bài phân tích khác tôi nhận thấy qua cấu trúc liên miên đối ở các từ “ma bao túc” câu trên và “bao túc ma hoàn” câu dưới cho thấy con người ở đây đang phải lao động vất vả, nặng nề, triền miên, kéo dài trong đêm. Trong mạch vận động của của thời gian ở nguyên tác không hề nhắc đến chữ “tối” nhưng với bản dịch thơ người dịch cho thêm vào làm mất đi sự thú vị của ý thơ, khiến cho câu thơ mất đi nét đẹp của ý tại ngôn ngoại không cần nhắc đến nhưng vẫn hiện ra là một đêm tối bao phủ. Trong câu thơ “Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng” theo tôi đó là sự nối tiếp công việc, kết thúc một công việc lại mở ra một công việc mới, nhà thơ đã dùng hình ảnh bếp lửa được đốt lên để nói sự vận động của thời gian. Từ xưa nay đa số mọi người đều hiểu theo nghĩa là hồng tính từ, làm sáng rực lên hình ảnh con người trong đêm nhưng theo nguyên tác chữ Hán đó hồng của động từ mang ý nghĩa hành động là đốt để đối với từ “ma” (xay). Đây là hiện tượng đồng âm trong tiếng Hán, nếu không cẩn thận tìm hiểu sẽ khiến cho mọi người nhầm lẫn với ý nghĩa khác. Qua hình ảnh con người trong đêm cho thấy cuộc sống nơi đây cơ cực, khó khăn khiến cho tác giả đồng cảm, đồng điệu. Bác đã dùng vòng xoay của cối xay để nói lên tâm trạng nặng nề của mình, dùng hình ảnh bé gái để nói lên cảm nhận cuộc sống. Nam Cao đã từng viết: “Khi người ta đau chân, người ta không còn tâm trí đâu để nghĩ đến người khác” nhưng đối với Hồ Chí Minh thì đi ngược lại với điều đó. Bác là một con người có tấm lòng thương yêu đồng loại đến vô cùng không chỉ là đối với nhân dân Việt Nam mà còn là biết bao những con người cơ cực trên hành tinh này. Đúng như Tố Hữu đã từng viết: “Bác ơi tim Bác mênh mông thế/ Ôm cả non sông mọi kiếp người”.

Bài thơ là thành công của nghệ thuật kết hợp hài hòa giữa bút pháp cổ điển và sự cách tân hiện đại trong ý thơ. Đặc biệt là chữ “hồng” ở cuối bài thơ được coi là nhãn tự, là con mắt thần của tác phẩm mang ý nghĩa sâu sắc được Hoàng Trung Thông nhận xét rằng: “Với một chữ “hồng”, Bác đã làm sáng rực lên toàn bộ bài thơ, đã làm mất đi sự mệt mỏi, sự uể oải, sự vội vã, sự nặng nề đã diễn ra trong ba câu đầu, đã làm sáng rực lên khuôn mặt của cô em sau khi xay xong ngô tối”. Đồng thời chữ “hồng” ấy cũng thể hiện cho niềm tin, hy vọng của Bác vào một tương lai tươi sáng ở ngày mai, đó là điều đáng quý, đáng trân trọng. Dù ở trong hoàn cảnh ngục tù nhưng con người ấy không bao giờ chịu khuất phục trước hoàn cảnh, số phận. Trong thơ Hồ Chí Minh luôn có sự vận động từ bóng tối ra ánh sáng, từ hồng được xuất hiện rất nhiều lần như trong bài “Tảo giải” hiện lên: “Phương Đông màu trắng chuyển sang hồng/ Bóng tối đêm tàn sớm sạch không” hay có câu Bác viết: “Trong ngục giờ đây còn tối mịt/ Ánh hồng trước mặt đã bừng soi” đó là sự lạc quan, niềm tin của Bác vào con đường cách mạng nước nhà, vào cuộc sống tốt đẹp hơn ở tương lai.

Như vậy chỉ với 28 câu thơ thất ngôn tứ tuyệt được kết hợp hài hòa giữa chất cổ điển và hiện đại, giữa tâm hồn thi sĩ với trái tim thép người chiến sĩ, bài thơ đã làm xúc động người đọc trước tinh thần lạc quan, yêu đời, yêu tha thiết cuộc sống và sự cảm thông, thương yêu con người của vị cha già dân tộc. Con người Bác là tấm gương sáng để cho biết bao thế hệ đồng bào Việt Nam học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Bài văn mẫu 6: Phân tích bài Mộ (Chiều tối)

Bác Hồ khi xưa đã từng nói rằng: “Làm thơ ta vốn không ham/ Nhưng mà trong ngục biết làm chi đây/ Ngày dài ngâm ngợi cho khuây/ Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do”. Trong lời giải bày bác vốn không ham làm thơ, nhưng khoảng thời gian trong ngục làm thơ ngâm ngợi để vui đi nỗi buồn, đồng thời làm thơ cũng là để thể hiện ý chí sắt đá của người chiến sĩ cách mạng. Trong tập Nhật kí trong tù ta không thể không nhớ đến bài thơ Chiều tối, tác phẩm được sáng tác khi bác chuyển từ nhà lao Tĩnh Tây đến nhà lao Thiên Bảo. Bài thơ đã làm bật lên tinh thần kiên cường của người tù cách mạng.

Mở đầu tác phẩm mở ra khung cảnh, bức tranh thiên nhiên chiều tối:

Chim mới về rừng tìm chốn ngủ

Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không

Bức tranh chiều tối được gợi lên từ hai hình ảnh: cánh chim, chòm mây. Cánh chim vốn là thi liệu quen thuộc trong thơ xưa như: “Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi” (Bà Huyện Thanh Quan) hay “Chim hôm thoi thót về rừng” (Nguyễn Du). Những cánh chim thường gợi về nỗi cô đơn, gợi nhắc, gợi nhớ về một quãng thời gian nào đó. Còn cánh chim trong thơ bác lại xuất hiện hoàn toàn khác, sau một ngày kiếm ăn mệt mỏi, chúng trở về tìm chốn nghỉ ngơi. Chúng bay đi có mục đích, phương hướng, không hề vô định như trong thơ cổ. Cánh chim ấy gợi liên tưởng về sự tương phản với hoàn cảnh của bác. Chòm mây trên trời cô đơn, lững lờ trôi giữa không gian mênh mông, cái cô độc của chòm mây cũng như chính sự cô đơn, lẻ loi của Bác. Bức tranh thiên nhiên không còn dừng lại ở miêu tả bề ngoài mà nó còn là bề sâu của tâm cảnh, ta thấy được tình yêu thiên nhiên của người tù. Bằng những quan sát hết sức tinh tế Bác đã nắm bắt được cái thần, cái hồn của cảnh vật, một không gian chiều mơ màng, thanh bình. Không chỉ vậy ta còn thấy được nỗi cô đơn, mệt mỏi của người tù nhân, khi phải trải qua một hành trình dài, di chuyển từ nhà lao này đến nhà lao khác. Nhưng đằng sau nỗi cô đơn ấy còn là một bản lĩnh kiên cường, sắt đá của người chiến sĩ.

Bức tranh của Bác không dừng lại ở đó, từ không gian của thiên nhiên, người tù di chuyển điểm nhìn để thấy hơi thở của cuộc sống sinh hoạt bình dị, đời thường mà vô cùng ấm áp:

Cô em xóm núi xay ngô tối

Xay hết, lò than đã rực hồng.

Đền đây con người đã trở thành trung tâm của bức tranh. Hiện hiện trong khung cảnh sinh hoạt là người thiếu nữ xóm núi đang xay ngô. Hình ảnh chân thực, bình dị và vô cùng đời thường nhưng lại lấp lánh tỏa sáng. Đó là ánh sáng của tuổi trẻ, của sức sống hùng hực nơi người con gái; ánh sáng tỏa ra từ công việc lao động bình dị; đồng thời còn là vẻ đẹp của mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên: con người là trung tâm, là chủ thể của vũ trụ. Trước thiên nhiên bao la con người không bị lu mờ mà được làm rõ nổi bật hơn.

Câu thơ cuối là sự kết hợp hài hòa giữa nét vẽ cổ điển và nét vẽ lãng mạn. Tính cổ điển được thể hiện ở bút pháp dùng ánh sáng để nói bóng tối. Hình ảnh lò than rực hồng, tỏa rạng một khoảng không gian đã tái hiện thành công bóng tối bao phủ xung quanh đây. Nhưng đồng thời đây cũng là câu thơ hết sức hiện đại. Chữ hồng là nhãn tự của bài thơ, làm bừng sáng cả không gian tăm tối đang bao trùm. “Hồng” thể hiện sự vận động theo hướng từ chiều đến tối, từ lạnh lẽo đến ấm áp (ấm của sự sống, của sinh hoạt lao động con người), từ sự cô đơn đến sum họp và từ nỗi buồn đến niềm vui. Đây là sự vận động từ bóng tối ra ánh sáng thể hiện niềm tin, lạc quan vào tương lai tương sáng của người chiến sĩ cách mạng.

Bài thơ sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, ngôn ngữ cô đọng, hàm súc. Bút pháp gợi tả thiên nhiên giản dị, tự nhiên mà vô cùng chân thực. Có sự đan xen, hòa quyện một cách nhuần nhuyễn giữa màu sắc cổ điển và hiện đại.

Chiều tối đã khắc họa thành công bức tranh thiên nhiên và bức tranh cuộc sống của con người nơi núi rừng hoang dã. Đằng sau bức tranh ấy là vẻ đẹp tâm hồn của Hồ Chí Minh: luôn mang trong mình tinh thần lạc quan, tin tưởng dù gặp khó khăn vẫn luôn tin rằng ánh sáng đang đợi dân tộc, đất nước nơi cuối con đường.

Bài văn mẫu 7: Phân tích bài thơ Chiều tối Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh được nhân loại biết đến không chỉ là một vị lãnh tụ kiệt xuất của dân tộc Việt Nam mà còn được biết đến như một nhà văn, nhà thơ lớn của thế kỷ XX. Ngoài văn chính luận, người còn để lại cho đời một sự nghiệp thơ ca đáng trân trọng. Trong đó nổi bật nhất là tập thơ Nhật ký trong tù. Tập thơ này như một cuốn nhật ký bằng thơ ghi lại những chặng đường giải lao đầy gian nan vất vả của người tù. Nhưng bằng bản lĩnh thép, tinh thần thép Người đã vượt qua hoàn cảnh tù đầy để hướng về ánh sáng. Bài thơ Chiều tối là một trong những sáng tác tiêu biểu nhất của tập Nhật ký trong tù:

"Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ

Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không

Cô em xóm núi xay ngô tối

Xay hết lò than đã rực hồng"

Tháng 8/1942, Bác Hồ sang Trung Quốc để tranh thủ sự viện trợ của bạn bè quốc tế về cuộc cách mạng ở Việt Nam. Sau mười lăm ngày đi bộ khi vừa tới thị trấn Túc Vinh, tỉnh Quảng Tây, Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam vô cớ và bị "mười bốn trăng tê tái gông cùm" trong gần ba mươi nhà lao của tỉnh Quảng Tây. Trong thời gian này Người đã sáng tác tập thơ Nhật ký trong tù gồm 134 bài thơ bằng chữ Hán. Bài thơ "Mộ" (Chiều tối) được xem là áng thơ tuyệt bút, được Người làm trên đường chuyển lao từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo.

Bài thơ mở đầu bằng bức tranh thiên nhiên buổi chiều tà trên đường Bác bị giải lao. Chỉ vài nét chấm phá, hai câu đầu của bài thơ đã để lại một tiểu họa về cảnh thiên nhiên vùng sơn cước ở thời điểm "chiều tối".

"Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ

Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không"

Thiên nhiên hiện lên với hai nét chấm phá: cánh chim và áng mây mang màu sắc cổ thi rõ nét. Hai hình ảnh ấy tạo nên bầu không gian khoáng đãng, cao rộng, thể hiện điểm nhìn lên của tác giả "luôn ngẩng cao đầu trong hoàn cảnh tù đày". Buổi chiều ấy dường như ta đã bắt gặp đâu đó trong thơ xưa: "Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà" hay "Chiều tà bảng lảng bóng hoàng hôn" (Bà Huyện Thanh Quan). Cánh chim và chòm mây vốn là những thi liệu rất quen thuộc trong thơ cổ thường dùng để miêu tả cảnh chiều tối như một bút pháp miêu tả thời gian. Lý Bạch trong bài thơ Độc tọa Kính Đình san cũng đã từng viết:

Chúng điều cao phi tận

Cô vân độc khứ nhàn

(Chim trời bay đi mất

Mây lẻ trôi một mình)

Điều mới mẻ ở đây là nếu như trong thơ cổ, cánh chim thường bay về chốn vô tận vô cùng, vô định, gợi cảm giác xa xăm, phiêu dạt, chia lìa, mang cái buồn thương u uẩn thì cánh chim trong thơ Bác lại gần gũi yêu thương hơn bao giờ hết. Nó chỉ là cánh chim tìm về tổ ấm sau một ngày dài mỏi mệt kiếm ăn. Cái hay nằm ở chỗ, nhìn cánh chim bay mà thấy được "quyện điều", thấy được trong dáng bay của cánh chim có sự mỏi mệt của nó. Nghĩa là nhà thơ nhìn thấy được sự vận động bên trong của cánh chim kia. Đây chính là tình cảm nhân đạo của Hồ Chí Minh. Cái nhìn ấy thể hiện tình cảm nhân ái bao la của Người đối với cảnh vật. Đúng như Tố Hữu đã từng viết "Bác ơi tim Bác mênh thong thế/ Ôm cả non sông mọi kiếp người". Qua đó ta thấy thêm một nét nghĩa mới: người tù dường như cũng đồng cảm với cánh chim kia, Người như cũng muốn được dừng chân sau một ngày dài ải "Năm mươi ba cây số một ngày/ Áo mũ dầm mưa rách hết giày".

Cùng với "Quyện điều quy lâm", là "Cô vân mạn mạn". Bài thơ dịch khá uyển chuyển, nhưng đã làm mất đi vẻ lẻ loi, trôi nổi, lững lờ của đám mây. Người dịch đã bỏ sót chữ "cô" và chưa thể hiện được hết nghĩa của hai từ láy "mạn mạn". Căn cứ vào phần nguyên âm ta thấy, hình ảnh đám mây cô đơn, lẻ loi đang chậm chậm trôi qua bầu trời. Nó không chỉ làm cho bầu trời thêm cao, thêm khoáng đãng mà còn gợi lên nỗi buồn bâng khuâng của người tù trên đất khách quê người. Nhưng buồn mà không bi lụy, không hiu hắt như trong thơ cổ điển. Mặc dù câu thơ dịch: "Chòm mây trôi nhẹ giữa từng không" chưa được sát nghĩa nhưng dù sao cũng thấy cái hay riêng của nó. Chòm mây trôi nhẹ nhàng, nhàn tản như chính tâm hồn người tù chiến sĩ ung dung tự tại, bị giải tù mà như đang thưởng ngoạn cảnh trời chiều và thả tâm hồn thi sĩ chứ không còn là cảnh tù đầy mệt mỏi nữa. Qua đó ta thấy tác giả không hề để lộ cái mệt mỏi, cô đơn của chính mình. Đó chính là tinh thần thép vĩ đại của người tù – thi sĩ Hồ Chí Minh.

Nhìn chung, hai câu đầu bài thơ có phảng phất nỗi buồn của lòng người, của tâm trạng người tù nhưng cảnh buồn mà không chút bi lụy. Thạc sĩ Nguyễn Đức Hùng nhận xét rằng "Những buổi chiều như vậy, đâu có thiếu trong văn chương cổ kim; nhưng nếu cảnh ấy qua cái nhìn của một Lý Bạch tiêu diêu, một Khuất Nguyên u uất chắc chắn sẽ đầy ảm đạm, thê lương. Còn ở đây, nếu không rõ xuất xứ, nhiều người sẽ lầm tưởng "Mộ" là bài thơ của thời Thịnh Đường".

Cảnh chiều tà nơi vùng sơn cước có chút hiu hắt vắng lặng gợi lên cái bâng khuâng man mác trong lòng người đọc nhưng sự biến chuyển của hai câu sau nhanh chóng xóa đi cái hiu hắt vốn có của núi rừng. Đó chính là lúc mà đôi mắt yêu thương và trái tim nhân ái bao la của Người bắt gặp vẻ đẹp của con người lao động:

"Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,

Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng"

Sinh thời Hồ Chí Minh chỉ có một ao ước lớn: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành". Nghĩa là ao ước của Người luôn hướng về nhân dân, nhân dân ở đây không chỉ hiểu là dân tộc Việt Nam ta mà còn là nhân dân cần lao trên thế giới. Đó chính là tinh thần nhân đạo cao cả của Quốc tế cộng sản.

Câu thơ nguyên bản "Sơn thôn thiếu nữ" dịch là "Cô em xóm núi" đứng trên bình diện nghĩa của từ thì không có gì sai. Nhưng câu thơ dịch đã không thể hiện được cái nhìn trân trọng của nhân vật trữ tình đối với con người; giọng điệu trang trọng của câu thơ nguyên tác không hiện diện trong lời thơ dịch. Người phụ nữ đã nhiều lần có mặt trong thơ chữ Hán, nhưng phần lớn họ đều thuộc giới thượng lưu hoặc chí ít cũng gần gũi với giới thượng lưu. Phần lớn người phụ nữ trong cổ thi đều mang nỗi buồn thương man mác vì chiến tranh sinh ly tử biệt hay lỡ dở tình duyên, Vương Xương Linh đời Đường từng viết Khuê oán:

"Khuê trung thiếu phụ bất tri sâu,

Xuân nhật ngưng trang thượng thúy lâu.

Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc,

Hỏi giao phu tế mịch phong hầu."

Dịch thơ

"Cô gái phòng the chữa biết sâu

Ngày xuân trang điểm dạo lên lầu

Đầu đường chợt thấy tơ xanh liễu

Hỏi để chồng đi kiếm trúc hầu."

Cái mới ở đây là cũng viết về hình ảnh người phụ nữ nhưng thơ Bác lại viết về người dân lao động với cái nhìn trân trọng yêu thương mang niềm vui của tấm lòng nhân đạo. Hai chữ "thiếu nữ" gọi lên vẻ trẻ trung, tươi tắn của cô gái cùng với hoạt động xay ngô đã làm hiện lên vẻ đẹp khỏe khoắn, nhịp nhàng trong lao động. Hình ảnh này đã làm xôn xao cả buổi chiều cô quạnh mang đến cho bức tranh thơ sức sống và niềm vui lan tỏa. Có lẽ cũng chính vì vậy mà có một nhà phê bình nào đó từng nhận xét rằng "Không rõ trước Hồ Chí Minh đã có một "sơn thôn thiếu nữ" thực sự là người lao động bước vào thế giới của nàng thơ hay chưa? Chỉ biết rằng việc đặt hình ảnh "sơn thôn thiếu nữ" ở vị trí trung tâm của bức tranh phong cảnh chiều tối đã làm cho bức tranh thiên nhiên trở thành bức tranh về cuộc sống con người. Sự chuyển đổi ấy thể hiện một khuynh hướng vận động của hình tượng thơ và quan điểm nhân sinh của Bác. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, Hồ Chí Minh cũng gắn bó với cuộc sống con người nơi trần thế đặc biệt là cuộc sống nhân dân lao động".

Tính hiện đại ở đây nữa chính là nghệ thuật biểu hiện. Tài hoa của Người là ở chỗ tả cảnh thiên nhiên, tả cảnh chiều tối mà không phải dùng đến một tính từ chỉ thời gian nào. Cả bài thơ không hề có chữ tối nào cả mà người đọc vẫn nhận ra chữ tối. Người dùng ánh lửa đỏ để thể hiện thời gian (trời có tối mới nhìn thấy lò than rực hồng). Hơn nữa, người đọc còn cảm nhận được bước đi của thời gian từ chiều đến tối. Cô gái xay ngô từ khi trời còn ánh sáng; xay xong thì trời đã tối. Điệp ngữ liên hoàn (điệp ngữ vòng) "ma bao túc – bao túc ma hoàn" đã cho ta cảm nhận được thời gian đang vận động đang xoay theo từng vòng quay của cối xay ngô. Phải chăng Hồ Chí Minh đã có một phát hiện mới trong bút pháp tả thời gian. Rõ ràng, ngay cả khi tả cảnh chiều tối, thơ Hồ Chí Minh vẫn có sự vận động từ bóng tối ra ánh sáng. Vòng quay của chiếc cối chấm dứt, công việc kết thúc (bao túc ma hoàn) thì lò than cũng vừa đỏ (lò dĩ hồng), ánh lửa đỏ ấm nồng xuất hiện thật bất ngờ, tỏa sáng vào đêm tối xua tan đi cái lạnh lẽo hiu hắt của núi rừng. Đó cũng là lúc mà cô gái kia được quây quần bên mâm cơm ấm cúng của gia đình.

Chữ "hồng" nằm ở cuối bài thơ nhưng có một vị trí đặc biệt. Trong nghệ thuật Đường thi, chữ hồng được xem là nhãn tự là con mắt thần. Nó tạo nên cái thần thái đặc biệt cho bài thơ. Hoàng Trung Thông nhận xét rằng: Với một chữ "hồng", Bác đã làm sáng rực lên toàn bộ bài thơ, đã làm mất đi sự mệt mỏi, sự uể oải, sự vội vã, sự nặng nề đã diễn ra trong ba câu đầu, đã làm sáng rực lên khuôn mặt của cô em sau khi xay xong ngô tối. Chữ "hồng" trong nghệ thuật thơ đường người ta gọi là "con mắt thơ" (Thi nhãn hoặc là nhãn tự, chữ mắt) nó sáng bùng lên, nó căn lại, chỉ một chữ thôi với hai mươi bảy chữ khác dần dần nặng đến mấy đi chẳng nữa. Với chữ "hồng" đó có ai còn cảm giác nặng nề, mệt mỏi, nhọc nhằn nữa đâu, mà chỉ thấy màu đỏ đã nhuộm lên cả bóng đêm, cả thân hình, cả lao động của cô gái đáng yêu kia. Đó là màu đỏ tình cảm Bác.

Như vậy chữ "hồng" rất xứng đáng là "ông thánh thứ hai mươi tám" của bài thơ. Ánh hồng ấy không chỉ tỏa ra từ chiếc bếp lửa bình dị của một "sơn thôn thiếu nữ" mà chủ yếu được tỏa ra từ tâm lòng nhân ái, tinh thần lạc quan của Hồ Chí Minh. Về nét nghĩa khác, chữ "hồng" còn là biểu hiện của cuộc vận động từ bóng tối ra ánh sáng. Thơ Hồ Chí Minh bao giờ cũng vậy, luôn hướng về ánh sáng. Trong bài thơ Tảo giải, chữ "hồng" ấy cũng đã từng xuất hiện:

"Phương Đông màu trắng chuyển sang hồng

Bóng tối đêm tàn sớm sạch không"

Chữ "hồng" ấy với chữ "hồng" trong Chiều tôi có cùng một nét nghĩa là chỉ ánh sáng, chỉ niềm vui, sự lạc quan của người tù. Con đường cách mạng Việt Nam cũng vậy đi từ trong đêm trường nô lệ, đi trong chông gai để đến với con đường vinh quang.

"Đầu tường sớm sớm vằng dương mọc,

Chiếu cửa nhà lao, cửa vãn cài;

Trong ngục giờ đây còn tối mịt,

Ánh hồng trước mặt đã bùng soi."

(Trích Nhật ký trong tù)

Thành công của bài thơ chính là yếu tố cổ điển kết hợp với hiện đại, giữa tâm hồn thi sĩ và tinh thần thép của người tù cách mạng. Bài thơ đã làm người đọc xúc động trước tình cảm nhân ái bao la của người tù chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh dù trong hoàn cảnh tù đầy nơi đất khách quê người nhưng Người vẫn vượt lên trên tất cả mọi sự khổ đau, đọa đày về thể xác để đưa đến cho người đọc những vần thơ tuyệt bút. Qua bài thơ ta càng hiểu, càng yêu hơn lãnh tụ Hồ Chí Minh của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Xin được mượn bốn câu thơ của nhà thơ Tố Hữu thay cho lời kết:

"Lại thương nỗi đọa đầy thân Bác

Mười bốn trăng tê tái gông cùm

Ôi chân yếu, mắt mờ tóc bạc

Mà thơ bay cánh hạc ung dung"